



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Fiditour được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Chợ Lớn
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Tân Bình
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (môi giới vận tải, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy), vận tải hàng hóa bằng đường bộ (đại lý vận chuyển hàng hóa);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (tư vấn du học), giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề);
- Điều hành tour du lịch (dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế), vận tải hành khách đường bộ khác (kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (kinh doanh nhà hàng), bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lậu lưu động hoặc tại chợ (mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc), hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Ủy viên
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT HÙNG



Số: 15.145/BCSX-DTL.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

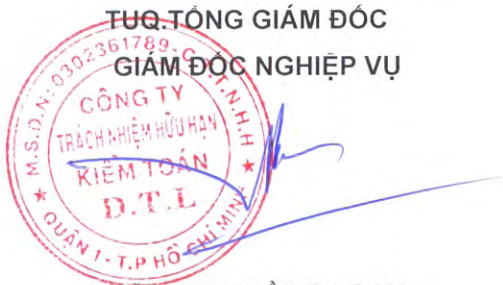
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**TUO TÔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ**



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1505-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.377.195.649	93.213.858.377
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.888.701.440	17.338.583.690
1. Tiền	111		11.588.701.440	17.038.583.690
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	69.071.269.111	41.240.143.023
1. Phải thu khách hàng	131		43.516.038.767	28.289.254.274
2. Trả trước cho người bán	132		21.775.753.789	10.895.754.902
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.779.476.555	2.055.133.847
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.262.603.013	20.922.725.720
1. Hàng tồn kho	141	5.3	26.262.603.013	20.922.725.720
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.154.622.085	13.712.405.944
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.697.233.965	1.729.380.798
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.004.519.618	1.303.093.021
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	10.452.868.502	10.679.932.125

(Phần tiếp theo trang 06)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.056.644.922	18.565.399.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.362.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	2.362.500
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.438.453.105	11.728.302.419
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	10.233.884.428	11.557.365.033
+ Nguyên giá	222		46.124.606.415	46.071.360.822
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.890.721.987)	(34.513.995.789)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		152.114.132	170.937.386
+ Nguyên giá	228		315.932.576	315.932.576
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(163.818.444)	(144.995.190)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		52.454.545	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.474.390.400	3.474.390.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.864.430.862	3.864.430.862
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(390.040.462)	(390.040.462)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.143.801.417	3.360.343.996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.176.977.017	2.903.519.596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		966.824.400	456.824.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.433.840.571	111.779.257.692

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		96.981.853.044	66.068.455.150
I. Nợ ngắn hạn	310		72.934.365.546	48.836.270.294
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		300.000.000	445.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.6	9.640.616.257	2.876.478.284
3. Người mua trả tiền trước	313	5.6	56.204.285.773	33.036.880.899
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		601.252.370	249.459.373
5. Phải trả người lao động	315		52.090.950	3.395.475.950
6. Chi phí phải trả	316		1.390.557.118	1.546.441.101
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.7	4.335.759.925	6.176.846.334
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		409.803.153	1.109.688.353
II. Nợ dài hạn	330		24.047.487.498	17.232.184.856
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.912.424.066	1.713.424.066
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.8	22.135.063.432	15.518.760.790
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.451.987.527	45.710.802.542
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.9	41.451.987.527	45.710.802.542
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.733.056.477	5.733.056.477
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.281.549.849	1.281.549.849
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.892.381.201	8.151.196.216
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.433.840.571	111.779.257.692

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		3.450,37	4.969,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**PHẠM THỊ THÙY LINH****KẾ TOÁN TRƯỞNG****LÊ THỊ HOÀNG HÀ****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VIỆT HÙNG**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		230.564.457.388	265.763.381.755
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		291.737.694	294.308.757
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	230.272.719.694	265.469.072.998
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	221.280.176.857	246.136.065.284
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.992.542.837	19.333.007.714
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		141.402.881	522.863.089
7. Chi phí tài chính	22		59.709.667	122.040.348
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		59.455.147	33.904.700
8. Chi phí bán hàng	24		2.836.159.365	2.229.092.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.3	11.650.917.878	11.299.236.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.412.841.192)	6.205.502.182
11. Thu nhập khác	31		1.157.426.177	1.165.544.344
12. Chi phí khác	32		3.400.000	535.342.476
13. Lợi nhuận khác	40		1.154.026.177	630.201.868
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.258.815.015)	6.835.704.050
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.851.392.901
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.258.815.015)	4.984.311.150
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.9.5	(1.394)	1.632

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**PHẠM THỊ THÙY LINH****KẾ TOÁN TRƯỞNG****LÊ THỊ HOÀNG HÀ****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VIỆT HÙNG**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.258.815.015)	6.835.704.050
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.397.303.859	1.697.716.991
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(138.732.510)	(519.156.884)
Chi phí lãi vay	06		59.455.147	33.904.700
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.940.788.519)	8.048.168.857
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.530.190.185)	(8.478.911.701)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.339.877.293)	(22.885.510.696)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34.112.897.894	32.412.653.686
Tăng giảm chi phí trả trước	12		758.689.412	(145.197.197)
Tiền lãi vay đã trả	13		(59.455.147)	(33.904.700)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(61.138.426)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	435.525.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(282.936.377)	(754.537.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.281.660.215)	8.537.147.294
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(107.454.545)	(114.784.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.732.510	519.156.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.277.965	404.372.338

(Phần tiếp theo trang 11)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.825.115.008	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.970.115.008)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.054.500.000)	(3.430.465.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.199.500.000)	(3.430.465.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(5.449.882.250)	5.511.054.132
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.338.583.690	25.392.460.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		11.888.701.440	30.903.515.079

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ THÙY LINH

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

Trụ sở được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Chợ Lớn
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Tân Bình
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (môi giới vận tải, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy), vận tải hàng hóa bằng đường bộ (đại lý vận chuyển hàng hóa);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (tư vấn du học), giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề);
- Điều hành tour du lịch (dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế), vận tải hành khách đường bộ khác (kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (kinh doanh nhà hàng), bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ (mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc), hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2014

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 12 năm

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

- + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.6 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong kỳ khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu của các dịch vụ đã hoàn thành nhưng chưa có cơ sở tin cậy để xác định được chi phí và kết quả của giao dịch.

4.8 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.9 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - + Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 thì Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2007 đến năm 2009).
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính, tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay, chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	4.692.078.464	6.277.445.705
Tiền gửi ngân hàng	6.896.622.976	10.761.137.985
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	300.000.000
Tổng cộng	11.888.701.440	17.338.583.690

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng	43.516.038.767	28.289.254.274
Trả trước cho người bán	21.775.753.789	10.895.754.902
Các khoản phải thu khác	3.779.476.555	2.055.133.847
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	69.071.269.111	41.240.143.023
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	69.071.269.111	41.240.143.023

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu khách hàng từ hoạt động bán vé máy bay là 33.183.589.603 VND.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.373.301	2.323.539
Công cụ, dụng cụ	415.961.127	430.370.218
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.785.107.689	20.414.436.334
Hàng hóa	59.160.896	75.595.629
Cộng giá gốc hàng tồn kho	26.262.603.013	20.922.725.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	26.262.603.013	20.922.725.720

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là chi phí của các tour du lịch đã và đang thực hiện tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2014 nhưng chưa được quyết toán.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho nhân viên phòng vé để mua vé máy bay và nhân viên bộ phận lữ hành để thực hiện tour.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	29.707.312.636	4.497.687.950	9.533.673.720	2.332.686.516	46.071.360.822
Mua trong kỳ	-	-	-	55.000.000	55.000.000
Giảm khác	(1.754.407)	-	-	-	(1.754.407)
Số dư cuối kỳ	29.705.558.229	4.497.687.950	9.533.673.720	2.387.686.516	46.124.606.415
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	23.451.261.307	3.496.743.755	5.995.074.911	1.570.915.816	34.513.995.789
Khấu hao trong kỳ	711.149.949	16.547.514	549.775.032	101.008.110	1.378.480.605
Giảm khác	(1.754.407)	-	-	-	(1.754.407)
Số dư cuối kỳ	24.160.656.849	3.513.291.269	6.544.849.943	1.671.923.926	35.890.721.987
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.256.051.329	1.000.944.195	3.538.598.809	761.770.700	11.557.365.033
Tại ngày cuối kỳ	5.544.901.380	984.396.681	2.988.823.777	715.762.590	10.233.884.428

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.185.074.257 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	9.640.616.257	2.876.478.284
Người mua trả tiền trước	56.204.285.773	33.036.880.899
Tổng cộng	65.844.902.030	35.913.359.183

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Người mua trả tiền trước chủ yếu là các khoản nhận tiền trước từ khách hàng thuộc hoạt động lữ hành với số tiền là 47.031.286.200 VND cho các tour đang thực hiện và chưa thực hiện.

5.7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	405.099.886	601.729.575
Cổ tức phải trả	-	3.054.500.000
Phải trả tiền hoàn vé máy bay	1.751.809.178	1.384.790.480
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.178.850.861	1.135.826.279
Tổng cộng	4.335.759.925	6.176.846.334

5.8. Doanh thu chưa thực hiện

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	21.392.606.449	14.512.074.161
Dịch vụ bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	2.562.364	700.269.356
Dịch vụ ăn uống	-	12.090.912
Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhận trước	739.894.619	292.886.361
Hoạt động khác	-	1.440.000
Tổng cộng	22.135.063.432	15.518.760.790

Doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ hướng dẫn du lịch bao gồm doanh thu của các tour đã hoàn thành nhưng chi phí thực hiện tour chưa được xác định đầy đủ để ghi nhận giá vốn tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

5.9. Vốn chủ sở hữu**5.9.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.545.000.000	5.733.056.477	1.844.248.600	9.391.357.473	47.513.662.550
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.464.737.801	5.464.737.801
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.109.000.000)	(6.109.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(562.698.751)	-	(562.698.751)
Giảm khác	-	-	-	(95.899.058)	(95.899.058)
Số dư đầu năm nay	30.545.000.000	5.733.056.477	1.281.549.849	8.151.196.216	45.710.802.542
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(4.258.815.015)	(4.258.815.015)
Số dư cuối kỳ	30.545.000.000	5.733.056.477	1.281.549.849	3.892.381.201	41.451.987.527

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

5.9.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Tổng cộng	30.545.000.000	30.545.000.000

5.9.3. Cổ tức

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty ngày 04/07/2014, Công ty thống nhất tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 theo tỷ lệ 5%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 500 VND) cho cổ đông Công ty theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng 21/7/2014. Thời điểm chi trả là từ ngày 11/8/2014.

5.9.4. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.054.500	3.054.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.9.5. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(4.258.815.015)	4.984.311.150
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	3.054.500	3.054.500
Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(1.394)	1.632

5.9.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	8.151.196.216	9.391.357.473
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(4.258.815.015)	4.984.311.150
Chia cổ tức		(3.054.500.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	3.892.381.201	11.321.168.623

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	111.802.806.529	133.001.584.505
Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	103.015.572.254	97.972.407.460
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	4.348.964.947	4.101.477.405
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	1.367.752.407	3.073.595.755
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.974.445.277	2.147.148.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.012.283.172	8.049.544.220
Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	14.914.737.811
Doanh thu hoạt động khác	1.042.632.802	2.502.886.543
Hàng bán bị trả lại	(262.462.309)	(252.581.064)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(29.275.385)	(41.727.693)
Doanh thu thuần	230.272.719.694	265.469.072.998

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	107.155.022.203	128.473.950.059
Giá vốn của hoạt động bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	101.420.163.882	93.321.738.162
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	2.227.477.359	2.043.008.401
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	1.591.593.350	3.001.898.029
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	1.164.233.170	1.117.055.307
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	4.295.445.881	7.028.302.145
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	7.509.166.209
Giá vốn của hoạt động khác	602.429.777	638.699.309
Giá vốn kinh doanh chung	2.823.811.235	3.002.247.663
Tổng cộng	221.280.176.857	246.136.065.284

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.997.071.007	7.461.283.670
Chi phí vật liệu quản lý	453.564.954	199.799.993
Chi phí khấu hao TSCĐ	698.780.349	571.064.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.203.781.564	2.204.031.621
Chi phí bằng tiền khác	1.297.720.004	863.056.811
Tổng cộng	11.650.917.878	11.299.236.127

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.886.238.090	3.810.535.707
Chi phí nhân công	21.433.479.191	21.173.420.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.397.303.859	1.698.256.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.398.583.119	221.501.534.129
Chi phí khác bằng tiền	4.651.649.841	11.480.646.331
Tổng cộng	235.767.254.100	259.664.393.556

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn

Cổ đông ảnh hưởng đáng kể

Ông Nguyễn Việt Hùng

Tổng Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả cổ tức	-	600.000.000

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chia cổ tức	-	600.000.000
Chi cổ tức	600.000.000	673.851.465

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Tổng Giám đốc	155.634.000	155.634.000
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	261.917.000	237.515.600
Tổng cộng	417.551.000	393.149.600

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.888.701.440	17.338.583.690
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.900.829.247	28.289.254.274
Đầu tư dài hạn	3.474.390.400	3.474.390.400
Tài sản dài hạn khác	966.824.400	456.824.400
Tổng cộng	61.230.745.487	49.559.052.764
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	300.000.000	445.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	13.304.849.501	5.974.692.830
Chi phí phải trả	1.390.557.118	1.310.289.924
Tổng cộng	14.995.406.619	7.729.982.754

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	300.000.000	-	300.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.392.425.435	1.912.424.066	13.304.849.501
Chi phí phải trả	1.390.557.118	-	1.390.557.118
			VND
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	445.000.000	-	445.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.261.268.764	1.713.424.066	5.974.692.830
Chi phí phải trả	1.310.289.924	-	1.310.289.924

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.900.829.247	-	44.900.829.247
Đầu tư dài hạn	-	3.474.390.400	3.474.390.400
Tài sản dài hạn khác	-	966.824.400	966.824.400

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

			VND
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	28.289.254.274	-	28.289.254.274
Đầu tư dài hạn	-	3.474.390.400	3.474.390.400
Tài sản dài hạn khác	-	456.824.400	456.824.400

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty là bị đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10/2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện không thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính đính kèm.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 05 tháng 08 năm 2014.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THÙY LINH

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG